

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT

Ngày 29/07/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Hà Việt Toàn và ông Phan Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biển - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 07 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10 - 05 - 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2022/QĐ-PT ngày 11-7- 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Lê T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 292 Ấp G, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 135 L, phường Đ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

* Người kháng cáo: bị đơn anh Huỳnh Lê T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1 Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Lê T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Chử, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh ngày 04/6/2009

Quá trình chung sống không hợp nhau và vợ chồng đã sống riêng gần 04 năm, chị D bỏ về quê sinh sống tại Gia Lai, còn anh ở Tây Ninh. Hiện vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh T cảm thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H1,

sinh ngày 02-4-2009. Ly hôn anh có nguyện vọng giao cháu H1 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

1.2 Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về hôn nhân và con chung chị D thống nhất với ý kiến của anh T trình bày.

Chị D cho rằng giữa vợ chồng không có gì mâu thuẫn. Việc chị và cháu H1 pH1 chuyển về Gia Lai sinh sống là do các chị gái của anh T liên tục chửi bới và đuổi đánh chị D ra khỏi nhà vào khoảng từ năm 2018-2019. Anh T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn là do bị các chị chồng ép buộc. Lý do anh T đưa ra bận chăm sóc mẹ già để không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa là không phù hợp, bởi vì gia đình của anh T có 07 anh, chị, em (02 anh, em trai và 05 chị gái).

Thực tế anh chị vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại, anh T vẫn gửi tiền về để phụ chị nuôi con, và vợ chồng vẫn chưa thống nhất với nhau về nơi sinh sống. Đối với tình trạng vợ chồng không sống chung như hiện nay chị sẽ có biện pháp khắc phục trong thời gian tới. Chị đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T vì chị vẫn còn tình cảm với chồng và mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Trường hợp vợ chồng pH1 ly hôn, chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, anh T pH1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và chị yêu cầu được hưởng một phần tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng.

* Tại biên bản ghi ý kiến của con chung đủ 07 tuổi ngày 27/10/2021, cháu Huỳnh Nguyễn Minh H1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Thùy D.

2. Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10 - 05 - 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Lê T.

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của anh Huỳnh Lê T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

3. Về kháng cáo,

- Ngày 22/5/2022 nguyên đơn anh Huỳnh Lê T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án như sau:

+ Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D;

+ Về con chung: Anh yêu cầu giao cháu Huỳnh Nguyễn Minh H1, sinh

ngày 02/4/2009 cho chị D nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Bị đơn chị D không kháng cáo.

4. Về kháng nghị: Bản án không bị kháng nghị.

5. Diễn biến Phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn (anh T) không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới.

- Bị đơn (chị D) yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện anh T, đề nghị được đoàn tụ.

- Các đương sự không thỏa thuận hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án;

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Lê T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp; quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đúng phạm vi kháng cáo.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét kháng cáo của anh Huỳnh Lê T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D thấy rằng:

Giữa anh T và chị D trước khi kết hôn nhân đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Chử, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh ngày 04/6/2009 theo quy định.

Anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị D đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn. Nhưng chỉ đưa ra lý do vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi đã gần 05 năm, dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nhưng không cung cấp được lý do nào khác và cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp thì mặc dù anh T cư trú tại tỉnh Tây Ninh và chị D cùng con cư trú ở tỉnh Gia Lai khoảng từ năm 2019 đến nay, nhưng anh T vẫn thường xuyên nhắn tin, gửi tiền phụ chị D chăm sóc con chung, quan tâm đến các ngày đặc biệt của gia đình. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm chị D đều có nguyện vọng xin đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn anh T đều vắng mặt. Mâu thuẫn tình cảm giữa anh chị vẫn chưa trải qua thủ tục hòa giải nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, tạo điều kiện cho anh T và chị D thêm cơ hội, khắc phục những hiểu lầm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Do đó, kháng cáo của anh T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Huỳnh Lê T pH1 chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Lê T về yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10 -05 – 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn anh Huỳnh Lê T với bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về án phí phúc thẩm: anh Huỳnh Lê T pH1 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai số: 0001864 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sinh